

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HS-ST

Ngày: 22/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hệ;

Bà Vũ Thị Thùy Đông;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Là - kiểm sát viên.

Ngày 22/11/2018 tại trụ Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2018/TLST-HS ngày 01/11/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXXST-HS ngày 09/11/2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn T, sinh năm 1982 tại Phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: Khu phố N, Phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn C, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959; Vợ, con: chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 23/4/2018 bị Công an phường L xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp T sản;

Nhân thân:

- Bản án số: 22/2006/HSST ngày 29/3/2006 của TAND thị xã H, tỉnh Hưng Yên xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp T sản;

- Bản án số: 86/2006/HSST ngày 08/12/2006 của TAND thị xã H, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp T sản;

- Bản án số: 05/2011/HSST ngày 21/01/2011 của TAND thành phố H, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp T sản.

- Bản án số: 70/2012/HSST ngày 24/10/2012 của TAND thành phố H, tỉnh Hưng Yên xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị bắt tạm giam từ ngày 28/8/2018. Có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số N, Đường NT, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Vắng mặt tại phiên tòa.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Phạm Văn K, sinh năm 1987; Địa chỉ: Khu phố N, Phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Vắng mặt tại phiên tòa.

* **Người làm chứng:**

1. Anh Vũ Văn T; Địa chỉ: Đội K, thôn AC I, xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Chu Văn Tr; Địa chỉ: Đội Y, thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 15/7/2018, Phạm Văn T một mình đi xe mô tô nhãn hiệu Supper cup Economy 50, màu xanh không đeo biển kiểm soát từ đường Nguyễn Lương B qua đường Chu Mạnh T, phường Phường H, thành phố H để về nhà, trên đường đi T quan sát thấy chiếc xe ô tô tải màu trắng BKS: 89C-101.09 của ông Nguyễn Đình Đ - là chủ của siêu thị vật liệu xây dựng HG đang đỗ dưới lòng đường Chu Mạnh T ở phía sau của Trung tâm hội nghị tỉnh Hưng Yên. Trên thùng xe có để 01 chiếc xe kéo bằng kim loại bên dưới có gắn 04 bánh xe bằng cao su. Thấy không có ai trông coi, nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe kéo bán lấy tiền tiêu xài. T điều khiển xe mô tô lên vỉa hè đường Chu Mạnh T, dựng xe gần thùng xe ô tô tải và đi đến dùng hai tay bê chiếc xe kéo trên thùng xe ô tô tải đặt lên gác ba ga xe của mình rồi nổ máy điều khiển xe đi về hướng cầu Y, thành phố H. Khi đi được khoảng 3 mét thì bị anh Chu Văn T là nhân viên bốc xếp của siêu thị vật liệu xây dựng HG phát hiện và hô hoán. Thấy bị phát hiện, T dừng xe và bê chiếc xe kéo đặt lại lên thùng xe ô tô tải sau đó lái xe bỏ đi.

Ngày 24/7/2018, ông Nguyễn Đình Đ đến Công an thành phố H trình báo vụ việc và giao nộp chiếc xe kéo bằng kim loại kích thước (86 x 41)cm, có gắn 04 bánh xe bằng cao su đường kính 18cm, bề mặt hàn 01 tay kéo bằng kim loại dài 66cm, cân nặng 29,9kg, đã qua sử dụng.

Ngày 25/7/2018, Phạm Văn T tự nguyện giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Supper cup Economy 50, màu xanh không đeo biển kiểm soát, trên khung có dãy số C50-8623143, trên máy có dãy số C50E-8623109. Xe bị vỡ cụm đồng hồ, mặt đèn pha phía trước và đèn hậu phía sau, xe cũ đã hoen rỉ. T khai là xe của anh Phạm Văn K là em trai T.

Ngày 28/8/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H khám xét chỗ ở của Phạm Văn T ở phố Khu phố N, phường Phường H, thành phố H, quá trình khám xét không thu giữ gì.

Kết luận định giá T sản kèm theo Biên bản định giá số: 26/BB-HĐĐG ngày 10/8/2018 của Hội đồng định giá T sản trong tổ tụng thành phố H kết luận: Xe kéo bằng kim loại kích thước (86 x 41)cm, có gắn 04 bánh xe bằng cao su đường kính 18cm, bề mặt hàn 01 tay kéo bằng kim loại dài 66cm, cân nặng 29,9kg, đã qua sử dụng trị giá 300.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 04/9/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H trả lại ông Nguyễn Đình Đ chiếc xe kéo trên. Ông Đ nhận lại T sản và không yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự đối với T.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Supper cup Economy 50, T sử dụng khi thực hiện hành vi trộm cắp T sản:

- Quá trình điều tra anh Phạm Văn K khai: Anh K mua chiếc xe trên của một người đàn ông (không nhớ họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) ở huyện K, tỉnh Hưng Yên từ năm 2013 với giá 3.500.000 đồng. Khi mua có viết giấy mua bán và xe có giấy tờ, biển số đầy đủ nhưng do thời gian đã lâu anh K đã làm mất giấy tờ và bị rơi biển số xe (không nhớ đã mất từ khi nào). Chiếc xe đã bị hỏng nhiều nên anh K ít khi dùng đến, từ khi mua xe đến nay, anh K chưa thay đổi gì về số khung, số máy của xe. Ngày 15/7/2018, anh cho T mượn xe nhưng không biết T sử dụng để đi trộm cắp T sản.

- Xác minh biển kiểm soát của chiếc xe mô tô trên và tên, tuổi, địa chỉ của chủ sở hữu chiếc xe xác định: Không tìm thấy dữ liệu tra cứu theo chỉ tiêu số khung, số máy nêu trên.

- Tra cứu xác minh tàng thư xe tang vật đối với chiếc xe mô tô có số khung, số máy trên xác định không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng.

- Kết luận giám định số: 304/PC09 ngày 30/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Super Cup Economy 50, màu xanh, không đeo biển kiểm soát, có hàng số khung nguyên thủy là C50-8623143, hàng số máy nguyên thủy là C50E-623109.

Do đó, không xác định được nguồn gốc ban đầu của chiếc xe trên và không có căn cứ xác minh, xử lý đối với Phạm Văn K.

Quá trình điều tra, Phạm Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 57/QĐ-VKS ngày 31/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố Phạm Văn T về tội Trộm cắp T sản, theo điểm a khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình

sự, đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo T bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/8/2018; không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo; Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại anh Phạm Văn K 01 xe mô tô nhãn hiệu Supper cup Economy 50, màu xanh không đeo biển kiểm soát, trên khung có dãy số C50 - 8623143, trên máy có dãy số C50E - 8623109; Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp vật chứng thu giữ, lời khai người bị hại, người liên quan, người làm chứng và các T liệu thu thập có trong hồ sơ. Trên cơ sở đó có đủ căn cứ xác định: Khoảng 16 giờ ngày 15/7/2018, tại khu vực đường Chu Mạnh T, phường Phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên, Phạm Văn T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe kéo bằng kim loại bên dưới có gắn 04 bánh xe bằng cao su trị giá 300.000 đồng của ông Nguyễn Đình Đ sinh năm 1969, HKTT: Số N, đường NT, phường L, thành phố H.

Mặc dù T sản do Phạm Văn T trộm có giá trị dưới hai triệu đồng nhưng Phạm Văn T đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp T sản chưa được xóa, do vậy hành vi như đã nêu trên của Phạm Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp T sản, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố Phạm Văn T về tội danh và áp dụng điều luật như bản Cáo trạng viện dẫn là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đều thành khẩn khai nhận tội; T sản trộm cắp có giá trị không lớn, khi bị phát hiện bị cáo đã tự trả lại T sản đã trộm cắp nên hành vi phạm tội của bị cáo

gây thiệt hại không lớn. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu T sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân trong việc bảo vệ T sản, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo đã có một tiền sự về hành vi trộm cắp T sản, ngoài ra còn có 03 tiền án về tội Trộm cắp T sản và 01 tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy đều đã được xóa án tích. Nhưng bị cáo không chịu tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân có ích cho xã hội và vẫn tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý. Điều này chứng tỏ bị cáo là kẻ coi thường pháp luật, khó cải tạo nên cần thiết phải xử lý nghiêm đối với bị cáo, bắt bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và không có T sản riêng nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại toàn bộ T sản mà bị cáo trộm cắp và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô mà T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội là của anh Phạm Văn K, anh K cho bị cáo T mượn nhưng không biết T sử dụng để đi trộm cắp T sản, theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự phải trả lại chiếc xe này cho anh K. Tuy nhiên quá trình điều tra không xác định được rõ nguồn gốc ban đầu của chiếc xe, anh K cũng không chứng minh được quyền sở hữu hợp pháp của mình. Việc anh K sử dụng chiếc xe này là vi phạm các quy định trong lĩnh vực giao thông đường bộ, vì vậy sẽ giao lại cho Công an thành phố H giải quyết theo thẩm quyền theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đề nghị trả chiếc xe mô tô cho anh K là không đúng quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

[1] Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội Trộm cắp T sản.

[2] Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/8/2018.

[3] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 39 Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016. Giao 01 xe mô tô nhãn hiệu Supper cup Economy 50, màu xanh không đeo biển kiểm soát, trên khung có dây số C50-8623143, trên máy có dây số C50E-8623109. Xe bị vỡ cụm đồng hồ, mặt đèn pha phía trước và đèn hậu phía sau, xe cũ đã hoen rỉ cho Công an thành phố H, tỉnh Hưng Yên giải quyết theo thẩm quyền.

(Số lượng, đặc điểm của vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số: 43/QĐ-VKS ngày 31/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên).

[3] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhân:

- VKSND Tp H;
- Công an Tp H;
- Chính quyền địa phương;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự Tp H;
- Lưu hồ sơ án phạt nhân thân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Lý